Hướng dẫn 1b: Định dạng văn bản và trích dẫn dành cho bài viết định hướng công bố quốc tế

Tham khảo thêm tại: <https://publishingsupport.iopscience.iop.org/questions/templates-and-guidelines-for-proceedings-papers/>

**Tóm tắt.** Yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các bài viết. Font Times New Roman cỡ 10, canh lề trái 25 mm, phần chính văn cách dưới tóm tắt 10 mm và nằm cùng trang với tóm tắt. Bản tóm tắt cần nêu ngắn gọn mục đích của nghiên cứu, kết quả chính và kết luận chính. Phần tóm tắt là nội dung độc lập với chính văn, không được kèm theo các thông tin liên quan đến bảng biểu, trích dẫn, công thức v.v… Dung lượng tóm tắt không vượt quá 200 từ và nằm trong cùng 1 đoạn.

1. Cỡ giấy

|  |  |
| --- | --- |
| Lề | **Cỡ A4** |
| Trên | 4.0 cm |
| Dưới | 2.7 cm |
| Trái | 2.5 cm |
| Phải | 2.5 cm |
| Gáy (Gutter) | 0 cm |
| Header | 0 cm |
| Footer | 0 cm |

**Không chèn bất cứ ký tự nào vào header, footer kể cả số trang**. Tất cả các thông tin này sẽ được chèn trong quá trình biên tập.

1. Tựa bài viết, tác giả và cơ quan công tác
   1. Tựa bài viết

Font Times New Roman cỡ 17 in đậm, đứng, chữ cái đầu tiên viết hoa, các chữ cái còn lại viết thường, không thụt lề. Cách trên 28 mm, cách dưới 10 mm.

* 1. Tên (các) tác giả

Thụt lề 25 mm bằng với tóm tắt. Các chữ cái viết tắt của chữ lót và tên đặt trước họ, cách bằng dấu phẩy với các tác giả khác trừ hai tác giả đặt sau cùng. Hai tác giả đặt sau cùng sẽ cách nhau bằng từ “and”. Các ký tự đầu của chữ lót và họ viết không có dấu chấm, ví dụ: **T A Tran** *thay vì* **T. A. Tran.** Trong trường hợp cần thiết có thể để nguyên tên nếu cần, ví dụ: **Tien A Tran.** Nếu tác giả có thêm thông tin liên hệ ở dạng cước chú thì số của cước chú đặt sau họ của tác giả.

* 1. Cơ quan công tác

Địa chỉ của cơ quan công tác nằm sau tên tác giả và cách lề 25 mm bằng với tóm tắt. Nếu có nhiều tác giả thuộc các cơ quan khác nhau thì dùng định dạng superscript (chỉ số trên) sau mỗi họ của tác giả để chỉ đến địa chỉ tương ứng. Không được dùng footnote để tạo chỉ số trên vì sẽ dẫn đến việc đặt địa chỉ cơ quan công tác ở chân trang hoặc cuối văn bản, không đúng với yêu cầu của hội thảo. Phảo đảm bảo rằng bất kỳ chỉ số trên (superscript) nào có đánh số được dùng để liên kết tên tác giả với cơ quan công tác sẽ bắt đầu từ số 1 và tiếp tục các số tiếp theo cho các cơ quan công tác còn lại. Không thêm bất cứ cước chú nào cho đến khi liệt kê tất cả địa chỉ cơ quan công tác của các tác giả. Ví dụ, để format

**J Mucklow**1,3**, J E Thomas**1,4 **and A J Cox**2,5

có 3 cơ quan công tác, thì chèn các chỉ số trên (superscript) 1,2 và 3 liên kết 3 họ của tác giả với 3 địa chỉ tương ứng, sau đó mới chèn các cước chú 4 và 5. Lưu ý trong phần chính văn thì cước chú đầu tiên sẽ được đánh từ 6.

Ví dụ. Trong ví dụ dưới đây ta thấy có các cước chú sau mỗi tên giác giả và chỉ có 5 địa chỉ cơ quan công tác. Có thể cước chú số 6 sẽ ghi chú thông tin như “Tác giả liên hệ là”. Ngoài ra các thông tin như tài trợ cho đề tài cũng có thể dùng footnote. 

1. Định dạng nội dung bài viết

Phần chính văn sẽ được định dạng như sau:

* Times New Roman cỡ 11.
* Dòng đơn.
* Các đoạn canh đều hai bên.
* Đoạn đầu tiên sau một mục và tiểu mục không lùi đầu dòng; các đoạn sau sẽ lùi 5 mm.

1. Mục, tiểu mục và tiểu tiểu mục

Việc chia mục hay không chia mục trong bài viết mang tính tùy chọn và hoàn toàn do tác giả toàn quyền quyết định. Trong trường hợp tác giả muốn chia bài viết thành nhiều mục thì phải áp dụng cấu trúc như trình bày trong bảng 2 dưới đây.

* 1. Định dạng và cách dòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bảng 2.** Định dạng các mục, tiểu mục và tiểu tiểu mục. | | |
|  | Font | Cách dòng |
| Mục | **Times New Roman đậm**  Cỡ 11 | Cách 1 dòng trước mục mới  Không thêm dòng dưới tên mục |
| Subsection | *Times New Roman nghiêng cỡ 11* | Cách 1 dòng trước tiểu mục mới  Không thêm dòng dưới tên tiểu mục |
| Tiểu tiểu mục | *Times New Roman nghiêng* cỡ 11 | Tên tiểu tiểu mục kết thúc bằng dấu chấm với phần chính văn chèn vào ngay sau. |

* 1. Đánh số mục, tiểu mục, tiểu tiểu mục
* Mục được đánh số 1, 2, 3, v.v…
* Tiểu mục đánh số 2.1, 2.2, 2.3, v.v…
* Tiểu tiểu mục đánh số 2.3.1, 2.3.2, v.v…

1. Cước chú

Tránh sử dụng cước chú đến mức tối đa. Trong trường hợp cần thiết thì chỉ dùng cho các chú giải ngắn mà không thể đặt trong phần chính văn.

1. Biểu đồ, hình ảnh

Biểu đồ, hình ảnh phải đi kèm với tên và diễn giải, trong trường hợp cần có thể thêm chú thích các nội dung trong bảng.

* 1. Cách dòng

Hạn chế các khoảng cách dòng không cần thiết trước và sau các biểu đồ và hình ảnh; ví dụ:

* Tránh các khoảng trắng xung quanh biểu đồ và hình ảnh;
* Nên cân chỉnh các biểu đồ và hình ảnh sao cho phù hợp với dung lượng bài viết và khoảng trống trong văn bản, tránh những khoảng trắng không cần thiết ngay bên trong biểu đồ và hình ảnh.
  1. Cỡ chữ trong biểu đồ

Bằng với cỡ chữ trong chính văn (11).

* 1. Cách dòng

Không dưới 0.25 pt.

* 1. Minh họa có màu

Tác giả toàn quyền sử dụng minh họa có màu, tuy nhiên trong trường hợp ấn phẩm chỉ in trắng đen, nên cân nhắc đến màu sắc trình bày các số liệu sao cho dễ phân biệt nhất.

* 1. Vị trí các biểu đồ - hình ảnh

biểu đồ và hình ảnh đặt ở trung tâm của trang trình bày, tuy nhiên trong các trường hợp nhất định có thể đặt hai biểu đồ - hình ảnh cạnh nhau nếu điều kiện không gian trình bày văn bản cho phép. Nên đặt biểu đồ - hình ảnh càng gần với phần tham chiếu với số liệu hay nội dung đó càng tốt. Tuyệt đối không đưa bảng biểu - hình ảnh vào phần tài liệu tham khảo hay theo sau tài liệu tham khảo.

* 1. Đánh số và chú thích cho biểu đồ - hình ảnh

Chú thích nằm ngay dưới hình ảnh và cách 6 pt. Có thể đặt cạnh hình để tiết kiệm không gian. biểu đồ - hình ảnh phải được đánh số thứ tự tiệm tiến xuyên suốt bài viết – ví dụ như “Figure 1”, “Figure 2” và không được viết tắt.

Đối với các chú thích đặt bên cạnh hình thì độ dài phải bằng chiều ngang của biểu đồ - hình ảnh. Đối với các chú thích biểu đồ - hình ảnh không đặt bên cạnh thì dài tối đa bằng chiều ngang của hình và canh giữa. Trong trường hợp chiều ngang của hình quá hẹp mà tên quá dài thì không được vượt ra ngoài quá nhiều so với chiều ngang của hình. Tên hình ảnh phải có dấu chấm cuối cùng.

* + 1. Ví dụ về chú thích biểu đồ - hình ảnh. **Lưu ý rằng đường đứt quãng trong các minh họa dưới đây chỉ để giúp chung ta hình dung vị trí của chú thích hình dễ dàng hơn, không sử dụng trong thực tế.**

|  |  |
| --- | --- |
| WiderFigureShortCaption | |
| **Hình 3.** Biểu đồ và hình ảnh có chú thích ngắn (canh giữa). | | |
| NarrowFigeWideCap | | **Hình 4.** Chú thích biểu đồ và hình ảnh dài hơn chính hình đó. Để tiết kiệm không gian có thể đặt ở bên phải của hình. Format dạng 1 hàng và 2 cột. Tên hình nằm ở cột 3 như trong ví dụ này. | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| WiderFigureWiderCaption | | |
| **Hình 5.** Trong trường hợp này canh đều chú thích biểu đồ và hình ảnh cùng độ dài với chiều ngang của biểu đồ và hình ảnh.. | | |
| NarrowFigeWideCap |  | NarrowFigeWideCap | |
| **Hình 6.** Hai biểu đồ - hình ảnh này đặt cạnh nhau để tiết kiệm không gian. Canh đều chú thích như hình. |  | **Hình 7.** Hai biểu đồ - hình ảnh này đặt cạnh nhau để tiết kiệm không gian. Canh đều chú thích như hình. | |

* 1. Hình có nhiều phần

Trong trường hợp này nên đánh thêm (a), (b), (c) vào sau số bảng, không được đánh số riêng.

1. Bảng số liệu

Đối với các bảng có nhiều số liệu thì cỡ chữ có thể nhỏ lại sao cho bảng nằm trọn vẹn trong cùng một trang hoặc vừa chiều ngang của văn bản.

* 1. Vị trí của bảng

Các bảng nên được đặt giữa trang trừ trường hợp chiều ngang bảng chiếm trọn trang giấy.

* 1. Bảng có nhiều phần

Nếu bảng có nhiều phần thì đánh theo thứ tự (a), (b), (c) v.v… nhưng chỉ nên có một chú thích cho toàn bộ bảng.

* 1. Chú thích và đánh số bảng

Các bảng phải được đánh số thứ tự tăng dần xuyên suốt bài viết và được đề cập đến trong chính văn theo số của bảng (ví dụ như Table 1). Chú thích đặt phía trên của bảng và kết thúc bằng dấu chấm. Độ dài của chú thích bằng chiều ngang của bảng, trừ trường hợp bảng quá hẹp như trình bày dưới đây.

* 1. Thiết kế bảng

Bảng kẻ ngang, không có đường phân cách cho các cột. Chỉ được chia bảng thành 3 phần: trên cùng, dưới cùng và ở giữa để chia tách các số liệu bên dưới với tiêu đề của các cột. Độ dày của đường kẻ là 0.5 pt.

* 1. Ví dụ

Ví dụ bên dưới cho thấy mẫu bảng mà Ban Tổ chức Hội thảo đề nghị.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bảng 3.** Bảng đơn giản. Chú thích nằm ở phía trên của bảng, canh đều hai bên. Khoảng cách giữa chú thích và bảng là 6 pt. | | |
|  |  |
| Distance (m) | Velocity (ms–1) |
| 100 | 23.56 |
| 150 | 34.64 |
| 200 | 23.76 |
| 250 | 27.9 |

* + 1. Bảng phức tạp hơn..

**Bảng 4.** Bảng phức tạp hơn với chú thích ngắn hơn chiều ngang bảng.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Wake Chi Sqr. (*N*=15, *df*=1) | *p* | Stage 1 Chi Sqr. (*N*=15, *df*=1) | *p* | Stage 2 Chi Sqr. (*N*=15, *df*=1) | *p* |
| **F3** | 1.143 | 0.285 | 0.286 | 0.593 | 0.286 | 0.593 |
| **Fz** | 1.143 | 0.285 | 0.067 | 0.796 | 0.067 | 0.796 |
| **C4** | 2.571 | 0.109 | 0.600 | 0.439 | 1.667 | 0.197 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảng 5.** Bảng phức tạp hơn với chú thích dài bằng chiều ngang của bảng, trong trường hợp này có thể đặt trong hàng trên cùng của bảng và nhập hàng để thành một khung duy nhất. | | | | | | |
|  | Wake Chi Sqr. (*N*=15, *df*=1) | *p* | Stage 1 Chi Sqr. (*N*=15, *df*=1) | p | Stage 2 Chi Sqr. (*N*=15, *df*=1) | *p* |
| **F3** | 1.143 | 0.285 | 0.286 | 0.593 | 0.286 | 0.593 |
| **Fz** | 1.143 | 0.285 | 0.067 | 0.796 | 0.067 | 0.796 |
| **Cz** | 1.143 | 0.285 | 0.077 | 0.782 | 0.286 | 0.593 |

* 1. Ghi chú trong bảng

Các ghi chú đánh dạng chỉ số trên (superscript) a, b, c v.v…. Các chú tích bên trong bảng đánh số trước. Cỡ chữ 10 và mỗi ghi chú đứng riêng một hàng như trong hình.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảng 6.** Bảng có mục thông tin kéo dài 2 cột và có ghi chúa. | | | | |
| Nucleus | Thickness  (mg cm–2) | Composition | Separation energies | |
| , n (MeV) | , 2n (MeV) |
| 181Ta | 19.3±0.1b | Natural | 7.6 | 14.2 |
| 208Pb | 3.8±0.8c | 99% enriched | 7.4 | 14.1 |
| 209Bi | 2.6±0.01c | Natural | 7.5 | 14.4 |
| a Notes are referenced using alpha superscripts.  b Self-supporting.  c Deposited over Al backing. | | | | |

1. Phụ lục

Các thông tin, nội dung cần thiết cần phải được kèm theo bài viết nhưng ảnh hưởng đến mạch văn của bài viết phải được đưa vào trong phần phụ lục. Phần phụ lục đặt ở cuối bài viết sau lời cảm ơn (nếu có) và trước phần tài liệu tham khảo. Nếu có hơn 1 phụ lục thì gọi là Phụ lục A, Phụ lục B v.v… Các biểu đồ, hình ảnh, công thức, bảng số liệu trong các phụ lục này được đánh số tương ứng với phụ lục, ví dụ Bảng A.1, Biểu đồ B.2. v.v…

1. Tài liệu tham khảo

Tất cả mọi tài liệu tham khảo phải được trích dẫn chính xác và định dạng theo đúng hướng dẫn dưới đây. Mọi trường hợp sai sót đều dẫn đến những trì hoãn không đáng có trong quá trình xuất bản và trích dẫn tự động về sau qua hệ thống CrossRef.

Thông tin trích dẫn bao gồm:

* Họ tên và chữ viết tắt tên lót;
* Ngày xuất bản;
* Tên tạp chí, tựa sách cũng như tên của các loại tài liệu khác;
* Tên của bài tạp chí (tùy chọn) ;
* Số quyển;
* Ban biên tập (nếu có);
* Thành phố nơi xuất bản và của nhà xuất bản đối với sách;
* Số trang.

Các tác giả vui lòng sử dụng trích dẫn kiểu Vancouver đánh số thứ tự tài liệu theo trình tự trích dẫn trong bài báo. Số thứ tự tài liệu được đặt trong ngoặc vuông như sau: [2], và một số có thể gồm nhiều tài liệu tham khảo trích dẫn cùng lúc. Danh mục tài liệu tham khảo cuối bài được xếp theo số thứ tự như trên thay vì theo thứ tự chữ cái họ tên tác giả.

**Các điểm cần lưu ý**

* Số thứ tự tài liệu cách thông tin trích dẫn 5 mm, dòng thứ 2 tiếp tục lùi thêm 5 mm. Ví dụ:

[1] Aderhold J, Davydov V Yu, Fedler F, Klausing H, Mistele D, Rotter T, Semchinova O, Stemmer J and Graul J 2001 *J. Cryst. Growth* **222** 701

* Tên tác giả theo trình tự: họ (chữ cái đầu viết hoa), tiếp sau chữ cái đầu viết tắt của tên và chữ lót không có dấu chấm. Các tác giả cách nhau bởi dấu phẩy trừ hai tác giả cuối cách nhau bởi chữ “and”;
* Trong trường hợp có tên bài báo thì chỉ có chữ cái đầu viết hoa, theo sau ngày xuất bản;
* Tên tạp chí in nghiêng và viết tắt. Nếu tạp chí chia thành nhiều nhóm chuyên ngành phân biệt bằng chữ cái thì chữ cái đó phải được đặt sau tên tạp chí nhưng không in nghiêng. Ví dụ:. *Phys*. *Rev*. A**;**
* Luôn cung cấp thông tin số trang trừ trường hợp bất khả kháng. Trang cuối cùng ở dạng tắt trong trường hơp số trang quá dài cách số trang đầu tiên bằng dấu gạch nối ‘– ‘, ví dụ: 1203–14;
* Tài liệu tham khảo là bài tạp chí. Lưu ý có 3 lần đổi kiểu chữ (xem Bảng 6).

|  |  |
| --- | --- |
| **Bảng 6.** Kiểu chữ cho tài liệu tham khảo là bài tạp chí. | |
| Nội dung | Kiểu |
| Tác giả, năm | Đứng thường |
| Tên bài (tùy chọn) | Đứng thường |
| Tên tạp chí | Nghiêng |
| Số quyển | Đậm |
| Số trang | Đứng thường |

Một số ví dụ:

[1] Strite S and Morkoc H 1992 *J. Vac. Sci. Technol.* B **10** 1237

[2] Nakamura S, Senoh M, Nagahama S, Iwase N, Yamada T, Matsushita T, Kiyoku H and Sugimoto Y 1996 *Japan. J. Appl. Phys.* **35** L74

[3] Trần A T, Mai T K K, Châu H N 2020 *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* **4(3***)* 425-432.

* + 1. Trích dẫn các công trình ở dạng “tiền công bố” (preprint). Có 2 tình huống:

1. Bài báo đã được công bố trên tạp chí và bản tiền công bố là thông tin trích dẫn bổ sung. Trong trường hợp này sẽ trích dẫn như sau:

[1] Kunze K 2003 T-duality and Penrose limits of spatially homogeneous and inhomogeneous cosmologies *Phys. Rev.* D **68** 063517 (*Preprint* gr-qc/0303038)

1. Bản tiền công bố là thông tin trích dẫn duy nhất. Trường hợp này sẽ trích dẫn như sau:

[1] Milson R, Coley A, Pravda V and Pravdova A 2004 Alignment and algebraically special tensors *Preprint* gr-qc/0401010

* + 1. Tài liệu tham khảo trên các tạp chí chỉ xuất bản trực tuyến. Thường là số sẽ có số bài báo, không có trang đầu và trang cuối vì các bài trên tạp chí này đều đánh số trang từ 1. Ví dụ:

[1] Horowitz G T and Maldacena J 2004 The black hole final state *J. High Energy Phys.* JHEP02(2004)008

* + 1. Tài liệu tham khảo là sách, kỷ yếu hội thảo và báo cáo các loại. Tương tự như bài tạp chí nhưng chỉ có hai lần thay đổi kiểu chữ. (xem bảng 7).

|  |  |
| --- | --- |
| **Bảng 7.** Kiểu chữ cho tài liệu tham khảo là sách, kỷ yếu hội thảo và báo cáo các loại. | |
| **Nội dung** | **Kiểu** |
| Tác giả, Năm | Đứng thường |
| Tựa sách | Nghiêng |
| Chủ biên | Đứng thường |
| Địa điểm xuất bản | Đứng thường |
| Số tập, số trang | Đứng thường |

**Các điểm cần lưu ý**

* Tên sách ở dạng in nghiêng đầy đủ với các chữ cái của các từ viết hoa trừ các từ không quan trọng (vd: và, của v.v…). Các từ như Proceedings (Kỷ yếu), Symposium (Hội thảo), International (Quốc tế), Conference (Hội thảo), Second (thứ hai), v.v… phải viết tắt thành *Proc*., *Symp*., *Int*., *Conf*., *2nd*, nhưng các nội dung khác của tựa sách phải trình bày đầy đủ, theo sau là ngày của hội thảo và thành phố diễn ra hội thảo.
* Tên của chủ biên và đồng chủ biên theo ngay sau số quyển, nếu có trên 2 chủ biên thì dùng *et al* (và cộng sự). Sau đó là đến thành phố nơi xuất bản và nhà xuất bản đặt trong ngoặc đơn ngăn cách bởi dấu hai chấm. Sau cùng là số trang đặt sau chữ ‘p’ nếu chỉ có 1 trang và ‘pp’ nếu có số trang đầu và cuối.

Một số ví dụ:

[1] Sze S M 1969 *Physics of Semiconductor Devices* (New York: Wiley–Interscience)

[2] Dorman L I 1975 *Variations of Galactic Cosmic Rays* (Moscow: Moscow State University Press) p 103

[3] Caplar R and Kulisic P 1973 *Proc. Int. Conf. on Nuclear Physics (Munich)* vol 1 (Amsterdam: North-Holland/American Elsevier) p 517

[4] Szytula A and Leciejewicz J 1989 *Handbook on the Physics and Chemistry of Rare Earths* vol 12, ed K A Gschneidner Jr and L Erwin (Amsterdam: Elsevier) p 133

[5] Kuhn T 1998 Density matrix theory of coherent ultrafast dynamics *Theory of Transport Properties of Semiconductor Nanostructures* *(Electronic Materials* vol 4*)* ed E Schöll (London: Chapman and Hall) chapter 6 pp 173–214

[6] Ngô T P L 2020 *Giáo trình Phát triển Nông thôn Việt Nam từ Bài học Kinh nghiệm của Phong trào Saemaul* (TP.HCM: NXB ĐHQG-HCM)

* 1. Danh mục tài liệu tham khảo

Một tài liệu tham khảo có thể liệt kê tối đa 10 tác giả, nếu trên 10 chỉ nêu tác giả đầu và theo sau là *et al*. Mặc dù yêu cầu tên tạp chí phải viết tắt, trong trường hợp tác giả không chắc chắn vẫn có thể viết nguyên tên tạp chí. Các từ viết tắt như *loc. cit.* và *ibid* không được phép sử dụng.

Các bài viết tham gia các hội thảo hay các báo cáo chưa công bố nói chung không được đưa vào danh mục tài liệu tham khảo. Đối với các bài tạp chí đang trong quá trình xuất bản thì chỉ được đưa vào khi đã có một tạp chí cụ thể chấp nhận đăng. Luận văn, luận án có thể đưa vào danh mục tham khảo chỉ khi chưa bị một bài báo hay sách khác thay thế và phải được tiếp cận thông qua một thư viện và phải được cung cấp đầy đủ thông tin để tiện cho công tác hậu kiểm.

**Lời cảm ơn**

Phần này không đánh số và nằm sau các phần đánh số khác của bài viết.